ÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **34**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08-7-2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thật
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chung
Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 135/2020/HNGĐ ngày 11/3/2020, về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị Huyền T,** sinh năm: 1990
Nơi cư trú: Số AAA, G.P., khối 3, xã Phước An, huyện Krông Păk, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Trí D,** sinh năm: 1987
Nơi cư trú: thôn Q Đ , xã Ninh Đông, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2020 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Huyền T trình bày:

Bà Đỗ Thị Huyền T và ông Trần Trí D tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Đông, thị xã Ninh Hòa năm 2014. Vợ chồng có một con chung là Trần Ngọc C A, sinh ngày: 2016. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường cải nhau vì bất đồng quan điểm sống, định hướng công việc khác nhau nên không chia sẽ cho nhau; ông D bỏ mặc, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ con nên từ tháng 5/2016 bà T dẫn con về nhà cha mẹ ruột tại tỉnh Đăk Lăk và vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D; yêu cầu được nuôi cháu A, không

yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Trí D trình bày:

Ông Trần Trí D xác nhận nội dung trình bày của bà Đỗ Thị Huyền T về đăng ký kết hôn và con chung là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng không hợp tính tình nên cải nhau nhiều lần; quan điểm sống mỗi người khác nhau nên khi mâu thuẫn xảy ra ông D, bà T không có tiếng nói chung; công việc của ông D bận rộn và do làm xa nên từ một đến hai tháng ông D về thăm vợ con nhưng bà T luôn né tránh sự quan tâm của ông D. Vì vậy, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc hơn 4 năm nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông D xác định tình cảm vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với bà T. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông đồng ý giao con chung Trần Ngọc C A , sinh ngày: 2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông D không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn Đỗ Thị Huyền T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Huyền T và ông Trần Trí D đủ điều kiện kết hôn và tự nguyện đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Đông, thị xã Ninh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 04 tháng 7 năm 2014, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D là hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà T và ông D đã bất đồng quan điểm sống, không cảm thông chia sẽ cho nhau trong cuộc sống gia đình; từ tháng 5/2016 cho đến nay, mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Bà T xác định không còn tình cảm với ông D và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D. Mặc dù ông D không đồng ý ly hôn với bà T và mong muốn vợ chồng về chung sống với nhau nhưng nhiều năm qua và tại phiên tòa, ông D không hiểu được mong muốn về cuộc sống hôn nhân của bà T, không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không có cở sở chấp nhận yêu cầu của ông D. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đỗ Thị Huyền T và ông Trần Trí D có một con chung là Trần Ngọc C A , sinh ngày: 2016. Từ tháng 5/2016 cho đến nay, bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A; ông D thừa nhận việc này và thống nhất giao chau A cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định yêu cầu của bà T về việc tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc C A đến tuổi trưởng thành là có căn cứ, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp yêu cầu của bà T. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Huyền T và ông Trần Trí D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thị Huyền T là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Đỗ Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Huyền T được ly hôn với ông Trần Trí D.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Trần Ngọc C A, sinh ngày: 06/01/2016 cho bà Đỗ Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Bà T không yêu cầu ông Trần Trí D cấp dưỡng nuôi con chung. Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà T, ông D có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Huyền T và ông Trần Trí D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị Huyền T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0009349 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

* *Quy định chung:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hánh án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Ninh Đông, GKH số 31 ngày 04/7/2014;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Thật